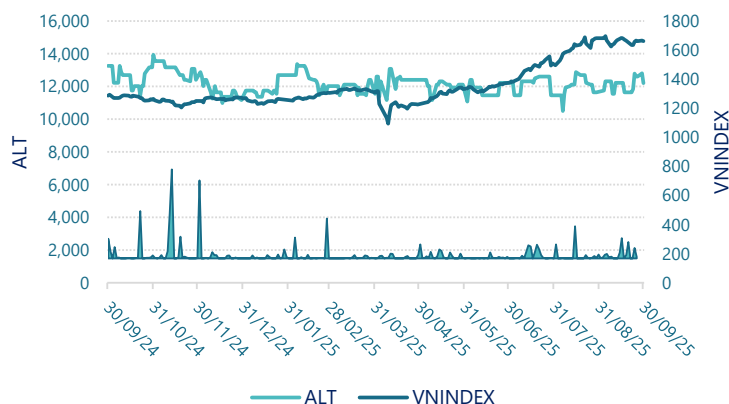


CTCP Văn hóa Tân Bình (HNX: ALT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,936
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
SL cổ phiếu LH	5,736,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,490
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
P/E	8.8
EPS	1,389

DT thuần

Q3/25

114

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 1.3%

YoY: ▲ 36.9 | 48.4%

LN sau thuế

Q3/25

1.22

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.61 | -57.0%

YoY: ▲ 2.09 | 240%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.2%

+/- YoY: ▲ 2.8%

DT thuần

9T 2025

311

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0 | 13.2%

LN sau thuế

9T 2025

3.32

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.27 | 213%

ROE

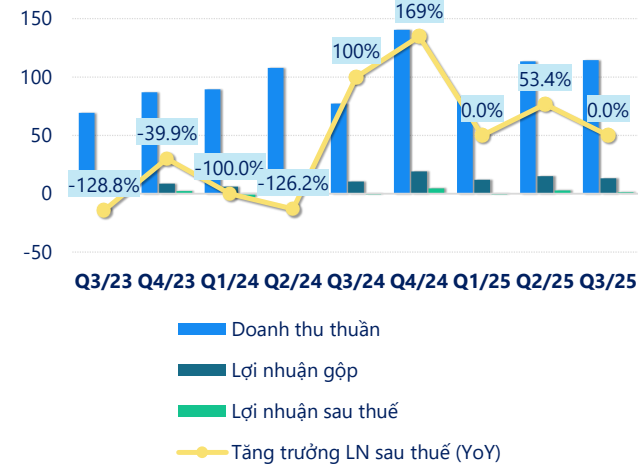
Q3/25

3.8%

+/- YoY: ▲ 4.1%

tỷ VNĐ

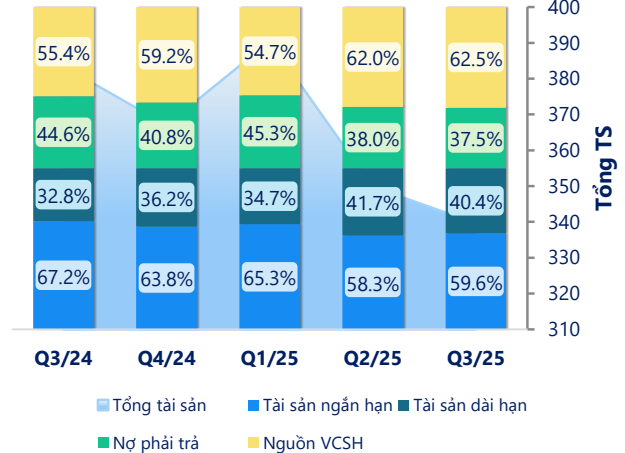
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

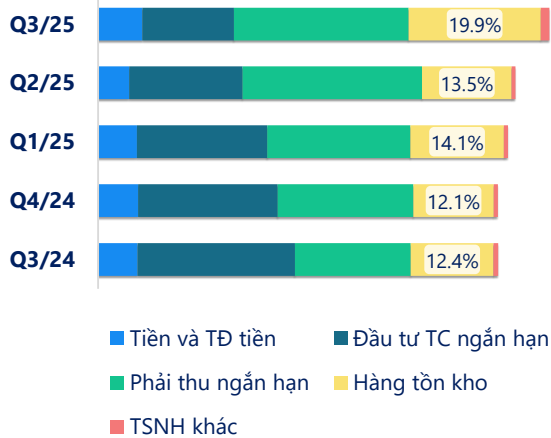
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



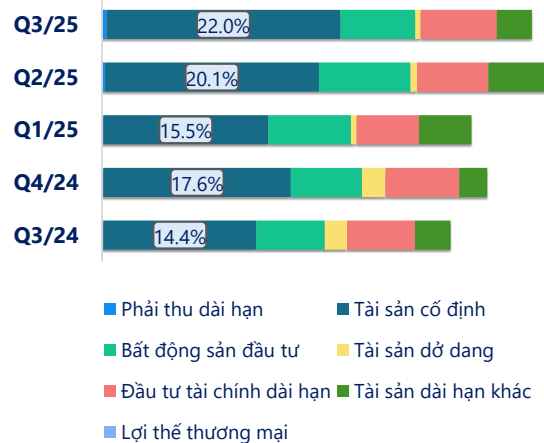
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

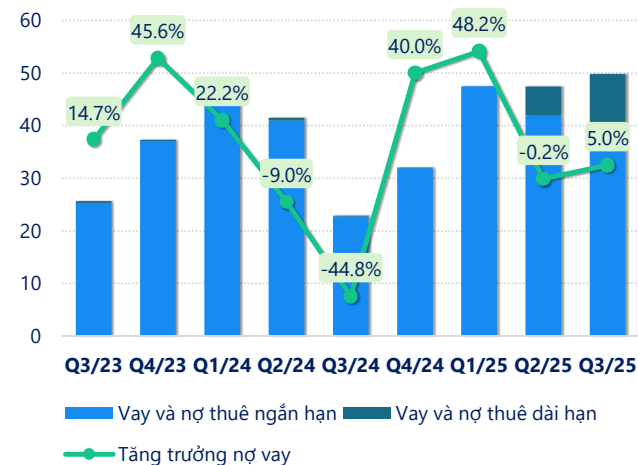
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

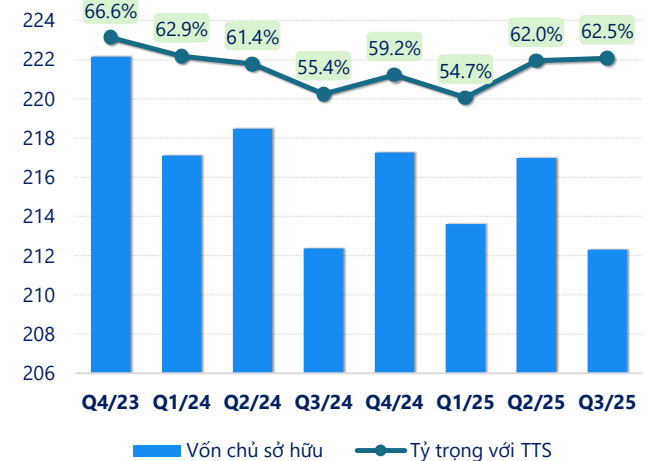
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

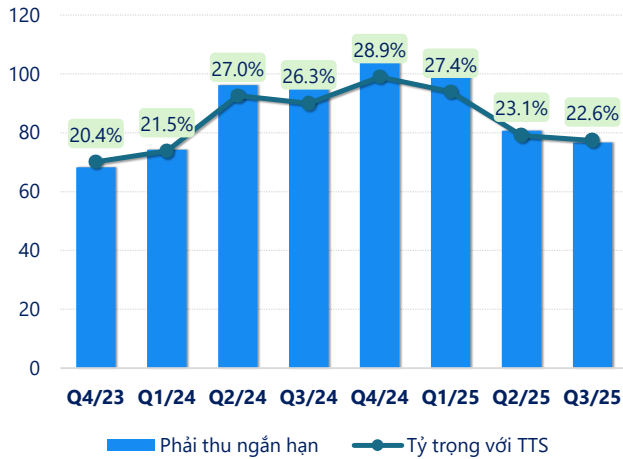
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



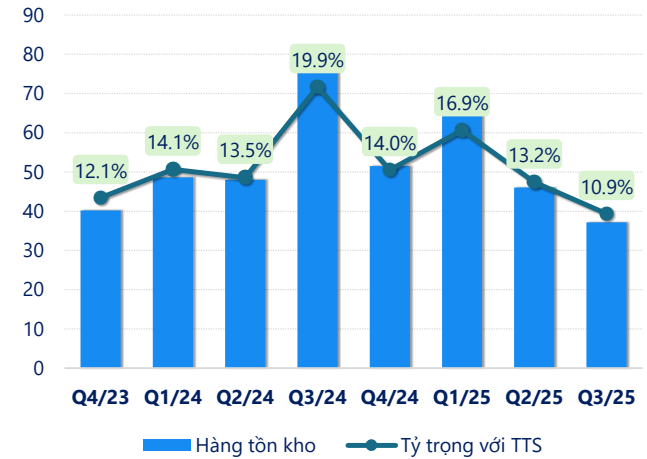
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


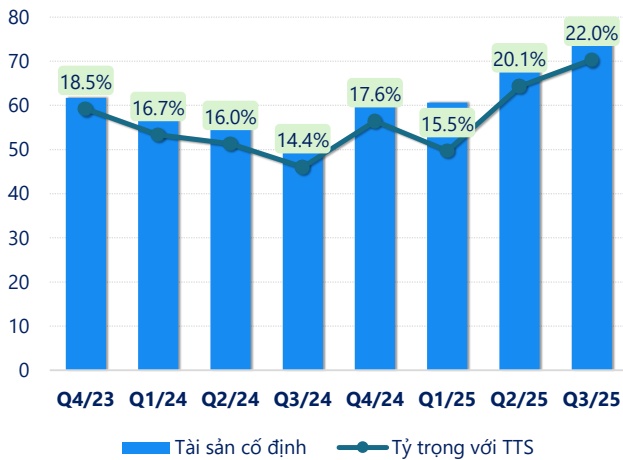
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


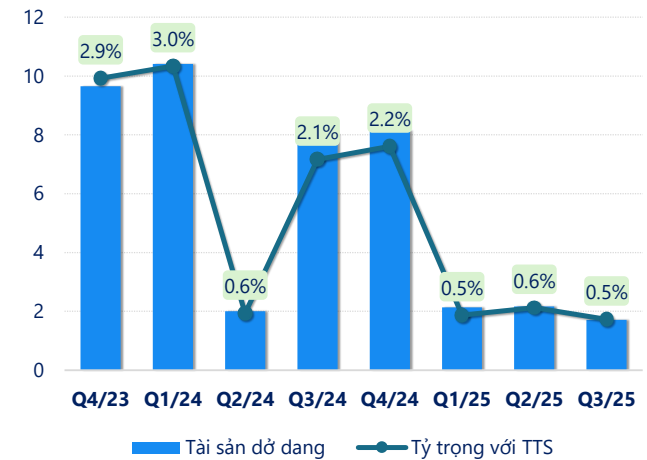
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

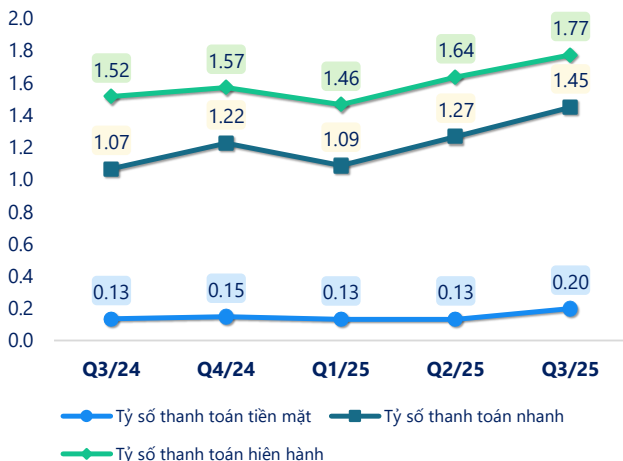
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

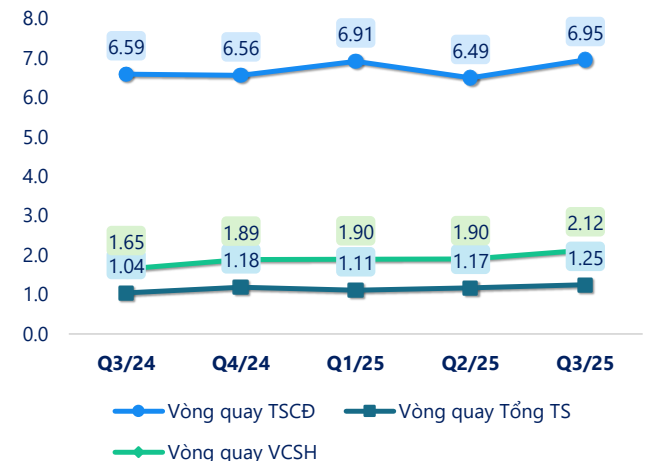
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	383	367	390	350	340
Tài sản ngắn hạn	258	234	255	204	202
Tiền và tương đương tiền	22.8	22.1	22.8	16.4	22.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.9	51.9	56.5	58.9	64.5
Phải thu ngắn hạn	101	106	107	80.7	76.7
Hàng tồn kho	76.3	51.5	65.8	46.0	37.1
Tài sản ngắn hạn khác	5.02	2.60	2.60	2.04	1.40
Tài sản dài hạn	126	133	136	146	137
Phải thu dài hạn	0.50	0.46	0.46	1.02	1.45
Tài sản cố định	55.2	64.8	60.6	70.4	74.7
Bất động sản đầu tư	24.7	24.5	30.3	30.1	23.9
Tài sản dở dang	8.01	8.14	2.13	2.17	1.71
Đầu tư tài chính dài hạn	24.5	25.5	22.9	23.5	24.3
Tài sản dài hạn khác	12.9	9.67	19.2	18.6	11.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	171	150	177	133	127
Nợ ngắn hạn	170	149	174	125	114
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.7	31.9	47.5	41.9	39.2
Phải trả người bán ngắn hạn	106	67.3	85.7	52.2	44.9
Nợ dài hạn	1.07	0.75	2.87	8.05	13.3
Vay và nợ thuê dài hạn	0.15	0.10	0	5.48	10.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	212	217	214	217	212
Vốn chủ sở hữu	212	217	214	217	212
Vốn điều lệ	61.7	61.7	61.7	61.7	61.7
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)